

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ  
GIAO NHẬN VẬN TẢI  
XÉP DỠ TÂN CẢNG**

## **MỤC LỤC**

|   | <b>Trang</b> |
|---|--------------|
| 1. Mục lục  | 1            |
| 2. Báo cáo của Ban Giám đốc   | 2 - 3        |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập  | 4 - 5        |
| 4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023   | 6 - 9        |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh<br>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 | 10           |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ<br>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023           | 11 - 12      |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính<br>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023    | 13 - 42      |

\*\*\*\*\*



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

### Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4103006182, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 3 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 12 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trong đó thay đổi lần thứ 12 ngày 08 tháng 3 năm 2021 do thay đổi địa chỉ Công ty.

### Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 028 73073979
- Fax : 028 37423027

### Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, đường thủy nội địa;
- Dịch vụ logistics;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Đại lý vận tải đường biển;
- Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa;
- Dịch vụ khai thuê hải quan;
- Dịch vụ cho thuê kho bãi, kiểm đếm, đóng gói hàng hóa.

### Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng quản trị

| Họ và tên           | Chức vụ    | Ngày bổ nhiệm                      |
|---------------------|------------|------------------------------------|
| Ông Lê Hoàng Linh   | Chủ tịch   | Bổ nhiệm ngày 22 tháng 05 năm 2020 |
| Ông Lê Văn Cường    | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 19 tháng 04 năm 2019 |
| Ông Hoàng Đức Thịnh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 15 tháng 06 năm 2021 |
| Ông Ngô Ngọc Khánh  | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 16 tháng 06 năm 2022 |
| Ông Phạm Trung Nghị | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 16 tháng 06 năm 2022 |

#### Ban kiểm soát

| Họ và tên           | Chức vụ    | Ngày bổ nhiệm                      |
|---------------------|------------|------------------------------------|
| Ông Phạm Văn Phụng  | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 15 tháng 06 năm 2021 |
| Bà Lê Thị Kim Chung | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 15 tháng 06 năm 2021 |
| Ông Trần Văn Trường | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 16 tháng 06 năm 2022 |



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

## Ban điều hành, quản lý

| Họ và tên          | Chức vụ        | Ngày bổ nhiệm             |
|--------------------|----------------|---------------------------|
| Ông Lê Văn Cường   | Giám đốc       | Ngày 26 tháng 2 năm 2020  |
| Ông Đặng Thanh Sơn | Phó Giám đốc   | Ngày 18 tháng 7 năm 2017  |
| Ông Châu Thanh Hải | Phó Giám đốc   | Ngày 08 tháng 2 năm 2021  |
| Ông Nguyễn Văn Hòa | Phó Giám đốc   | Ngày 30 tháng 11 năm 2021 |
| Ông Ngô Ngọc Khánh | Phó Giám đốc   | Ngày 19 tháng 02 năm 2024 |
| Bà Phạm Thị Thu Hà | Kế toán trưởng | Ngày 19 tháng 11 năm 2019 |

## Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Lê Văn Cường.

## Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

## Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

## Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



Lê Văn Cường

Ngày 23 tháng 3 năm 2024



Số: 2.0228/24/TC-AC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XÉP DỠ TÂN CẢNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 23 tháng 3 năm 2024, từ trang 06 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

15-C  
HÀNH  
G TY  
M HƯ  
VÀ T  
C  
À NỘ  
- TP.



**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính đó tại ngày 28 tháng 3 năm 2023.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**  
**Chi nhánh Hà Nội**



**Vũ Minh Khôi – Thành viên Ban Giám đốc**  
*Giấy CNDKHN kiểm toán số: 2897-2020-008-1*  
Người được ủy quyền  
Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2024

**Vũ Tuấn Nghĩa - Kiểm toán viên**  
*Giấy CNDKHN kiểm toán số: 4028-2022-008-1*



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                         | <b>100</b> |             | <b>448.988.305.965</b> | <b>351.399.948.379</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>        | <b>110</b> | <b>V.1</b>  | <b>61.612.071.652</b>  | <b>88.575.025.881</b>  |
| 1. Tiền   | 111        |             | 13.612.071.652         | 22.075.025.881         |
| 2. Các khoản tương đương tiền                       | 112        |             | 48.000.000.000         | 66.500.000.000         |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>                | <b>120</b> |             | <b>138.000.000.000</b> | <b>92.000.000.000</b>  |
| 1. Chứng khoán kinh doanh                           | 121        |             | -                      | -                      |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh         | 122        |             | -                      | -                      |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                  | 123        | V.2a        | 138.000.000.000        | 92.000.000.000         |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>             | <b>130</b> |             | <b>233.886.489.743</b> | <b>161.409.065.444</b> |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng                 | 131        | V.3         | 225.254.749.927        | 138.226.234.430        |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn                 | 132        | V.4         | 1.954.001.400          | 837.061.874            |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn                         | 133        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn                     | 135        |             | -                      | -                      |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác                           | 136        | V.5a        | 7.227.937.697          | 22.482.955.809         |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi               | 137        | V.6         | (550.199.281)          | (137.186.669)          |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý                          | 139        |             | -                      | -                      |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                             | <b>140</b> |             | <b>12.916.648.263</b>  | <b>9.348.121.893</b>   |
| 1. Hàng tồn kho                                     | 141        | V.7         | 12.916.648.263         | 9.348.121.893          |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                   | 149        |             | -                      | -                      |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                     | <b>150</b> |             | <b>2.573.096.307</b>   | <b>67.735.161</b>      |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                       | 151        | V.8a        | 1.503.997.909          | 67.735.161             |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ              | 152        |             | 1.069.098.398          | -                      |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước         | 153        |             | -                      | -                      |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ       | 154        |             | -                      | -                      |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                            | 155        |             | -                      | -                      |



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

| <b>TÀI SẢN</b>                                  | <b>Mã số</b> | <b>Thuyết minh</b> | <b>Số cuối năm</b>     | <b>Số đầu năm</b>      |
|---|--------------|--------------------|------------------------|------------------------|
| <b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                       | <b>200</b>   |                    | <b>455.761.567.827</b> | <b>430.856.043.997</b> |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>            | <b>210</b>   |                    | <b>19.991.300.000</b>  | <b>2.330.000.000</b>   |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng              | 211          |                    | -                      | -                      |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn              | 212          |                    | -                      | -                      |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc           | 213          |                    | -                      | -                      |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn                      | 214          |                    | -                      | -                      |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn                  | 215          |                    | -                      | -                      |
| 6. Phải thu dài hạn khác                        | 216          | V.5b               | 19.991.300.000         | 2.330.000.000          |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi            | 219          |                    | -                      | -                      |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                      | <b>220</b>   |                    | <b>265.824.626.097</b> | <b>268.522.572.459</b> |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                     | 221          | V.9                | 242.955.607.331        | 245.058.956.303        |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 222          |                    | 834.644.031.244        | 819.452.993.042        |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 223          |                    | (591.688.423.913)      | (574.394.036.739)      |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính               | 224          |                    | -                      | -                      |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 225          |                    | -                      | -                      |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 226          |                    | -                      | -                      |
| 3. Tài sản cố định vô hình                      | 227          | V.10               | 22.869.018.766         | 23.463.616.156         |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 228          |                    | 28.691.911.391         | 28.571.911.391         |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 229          |                    | (5.822.892.625)        | (5.108.295.235)        |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                 | <b>230</b>   |                    | -                      | -                      |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 231          |                    | -                      | -                      |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 232          |                    | -                      | -                      |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>              | <b>240</b>   | <b>V.11</b>        | <b>2.956.427.324</b>   | <b>9.121.194.393</b>   |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241          |                    | -                      | -                      |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang              | 242          |                    | 2.956.427.324          | 9.121.194.393          |
| <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>              | <b>250</b>   | <b>V.2b</b>        | <b>136.668.420.885</b> | <b>140.164.941.519</b> |
| 1. Đầu tư vào công ty con                       | 251          |                    | 21.440.000.000         | 21.440.000.000         |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết      | 252          |                    | 97.120.000.000         | 97.120.000.000         |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác               | 253          |                    | 26.479.480.000         | 26.479.480.000         |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn            | 254          |                    | (8.371.059.115)        | (4.874.538.481)        |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn              | 255          |                    | -                      | -                      |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>                 | <b>260</b>   |                    | <b>30.320.793.521</b>  | <b>10.717.335.626</b>  |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                    | 261          | V.8b               | 30.320.793.521         | 10.717.335.626         |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại               | 262          |                    | -                      | -                      |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn  | 263          |                    | -                      | -                      |
| 4. Tài sản dài hạn khác                         | 268          |                    | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                        | <b>270</b>   |                    | <b>904.749.873.792</b> | <b>782.255.992.376</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

| NGUỒN VỐN   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>                              | <b>300</b> |             | <b>353.820.832.473</b> | <b>274.311.424.747</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                               | <b>310</b> |             | <b>299.311.599.817</b> | <b>212.057.209.991</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                      | 311        | V.12        | 176.433.624.007        | 107.529.474.998        |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                | 312        |             | 332.767.062            | 45.473.216             |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước              | 313        | V.13        | 12.991.135.827         | 11.379.712.368         |
| 4. Phải trả người lao động                          | 314        |             | 24.690.601.062         | 23.707.651.881         |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                        | 315        | V.14        | 22.617.860.065         | 19.835.176.586         |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn                         | 316        |             | -                      | -                      |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317        |             | -                      | -                      |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                | 318        |             | -                      | -                      |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác                           | 319        | V.15a       | 37.299.136.840         | 30.438.690.206         |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn               | 320        | V.16a       | 7.249.712.000          | 7.249.712.000          |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn                      | 321        |             | -                      | -                      |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                       | 322        | V.17        | 17.696.762.954         | 11.871.318.736         |
| 13. Quỹ bình ổn giá                                 | 323        |             | -                      | -                      |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ      | 324        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                               | <b>330</b> |             | <b>54.509.232.656</b>  | <b>62.254.214.756</b>  |
| 1. Phải trả người bán dài hạn                       | 331        |             | -                      | -                      |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn                 | 332        |             | -                      | -                      |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn                         | 333        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh                | 334        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn                          | 335        |             | -                      | -                      |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn                 | 336        |             | -                      | -                      |
| 7. Phải trả dài hạn khác                            | 337        | V.15b       | 45.447.820.404         | 45.943.090.504         |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                 | 338        | V.16b       | 9.061.412.252          | 16.311.124.252         |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi                            | 339        |             | -                      | -                      |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi                                 | 340        |             | -                      | -                      |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                 | 341        |             | -                      | -                      |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn                       | 342        |             | -                      | -                      |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ            | 343        |             | -                      | -                      |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

| NGUỒN VỐN                                       | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                 | <b>400</b> |             | <b>550.929.041.319</b> | <b>507.944.567.629</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                        | <b>410</b> | <b>V.18</b> | <b>550.929.041.319</b> | <b>507.944.567.629</b> |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                       | 411        |             | 301.584.360.000        | 301.584.360.000        |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết        | 411a       |             | 301.584.360.000        | 301.584.360.000        |
| - Cổ phiếu ưu đãi                               | 411b       |             | -                      | -                      |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                         | 412        |             | 20.712.126.338         | 20.712.126.338         |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu             | 413        |             | -                      | -                      |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu                      | 414        |             | -                      | -                      |
| 5. Cổ phiếu quỹ                                 | 415        |             | -                      | -                      |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản              | 416        |             | -                      | -                      |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                   | 417        |             | -                      | -                      |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển                        | 418        |             | 157.824.904.656        | 117.697.722.245        |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp              | 419        |             | -                      | -                      |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu               | 420        |             | -                      | -                      |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối           | 421        |             | 70.807.650.325         | 67.950.359.046         |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước  | 421a       |             | -                      | 67.950.359.046         |
| - LNST chưa phân phối kỳ này                    | 421b       |             | 70.807.650.325         | -                      |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản            | 422        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>           | <b>430</b> |             | -                      | -                      |
| 1. Nguồn kinh phí                               | 431        |             | -                      | -                      |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432        |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                      | <b>440</b> |             | <b>904.749.873.792</b> | <b>782.255.992.376</b> |

Lập, ngày 23 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Xuân Tân

Phạm Thị Thu Hà

Lê Văn Cường



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số | Thuyết minh | Năm nay                | Năm trước              |
|--|-------|-------------|------------------------|------------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 01    | VI.1        | 1.490.904.601.908      | 1.319.352.930.810      |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                    | 02    |             | -                      | -                      |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10    |             | 1.490.904.601.908      | 1.319.352.930.810      |
| 4. Giá vốn hàng bán                                | 11    | VI.2        | 1.258.007.325.543      | 1.096.142.256.914      |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   | 20    |             | 232.897.276.365        | 223.210.673.896        |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                   | 21    | VI.3        | 32.490.637.004         | 22.261.451.640         |
| 7. Chi phí tài chính                               | 22    | VI.4        | 4.522.377.395          | (1.221.228.318)        |
| Trong đó: chi phí lãi vay                          | 23    |             | 1.025.856.761          | 1.236.186.788          |
| 8. Chi phí bán hàng                                | 25    | VI.5        | 34.939.347.268         | 32.790.160.499         |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 26    | VI.6        | 65.406.997.213         | 61.823.629.210         |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh        | 30    |             | 160.519.191.493        | 152.079.564.145        |
| 11. Thu nhập khác                                  | 31    | VI.7        | 2.134.779.398          | 14.627.472             |
| 12. Chi phí khác                                   | 32    | VI.8        | 37.850.080             | 29.342.697             |
| 13. Lợi nhuận khác                                 | 40    |             | 2.096.929.318          | (14.715.225)           |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế              | 50    |             | 162.616.120.811        | 152.064.848.920        |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành   | 51    | V.13        | 28.858.846.107         | 27.553.877.528         |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại    | 52    |             | -                      | -                      |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp       | 60    |             | <u>133.757.274.704</u> | <u>124.510.971.392</u> |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                       | 70    | VI.9        | <u>-</u>               | <u>-</u>               |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu                     | 71    | VI.9        | <u>-</u>               | <u>-</u>               |

Lập, ngày 23 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Xuân Tân

Phạm Thị Thu Hà

Lê Văn Cường



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã Thuyết số minh | Đơn vị tính: VND        |                        |
|--|-------------------|-------------------------|------------------------|
|  |                   | Năm nay                 | Năm trước              |
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>  |                   |                         |                        |
| 1. Lợi nhuận trước thuế  | 01                | 162.616.120.811         | 152.064.848.920        |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản:   |                   |                         |                        |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư  | 02 V.9, 10        | 23.657.211.817          | 24.524.432.361         |
| - Các khoản dự phòng   | 03 VI.4, 6        | 3.909.533.246           | (2.457.415.106)        |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 VI.3           | (46.718)                | (45.085)               |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư  | 05                | (32.983.532.165)        | (22.261.406.555)       |
| - Chi phí lãi vay  | 06 VI.4           | 1.025.856.761           | 1.236.186.788          |
| - Các khoản điều chỉnh khác  | 07                | -                       | -                      |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                           | 08                | 158.225.143.752         | 153.106.601.323        |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu  | 09                | (124.461.517.113)       | 77.193.992.572         |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho  | 10                | (3.568.526.370)         | (2.308.689.748)        |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả  | 11                | 79.443.001.458          | (30.490.276.053)       |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước   | 12                | (21.039.720.643)        | 6.942.510.682          |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh  | 13                | -                       | -                      |
| - Tiền lãi vay đã trả  | 14                | (1.025.856.761)         | (1.280.199.445)        |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  | 15 V.13           | (27.015.576.438)        | (31.489.508.828)       |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh  | 16 V.17           | 53.000.000              | 35.000.000             |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh   | 17 V.17           | (17.821.997.750)        | (15.911.723.855)       |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                       | <b>20</b>         | <b>42.787.950.135</b>   | <b>155.797.706.648</b> |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>   |                   |                         |                        |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác               | 21                | (16.248.736.230)        | (9.441.084.363)        |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác            | 22                | 557.480.909             | -                      |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                                    | 23                | (85.000.000.000)        | (67.000.000.000)       |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                            | 24                | 39.000.000.000          | 93.000.000.000         |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   | 25                | -                       | -                      |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   | 26                | -                       | -                      |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                     | 27                | 32.100.941.667          | 22.402.209.295         |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>   | <b>30</b>         | <b>(29.590.313.654)</b> | <b>38.961.124.932</b>  |



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU   | Mã Thuyết số minh | Năm nay                 | Năm trước                |
|--|-------------------|-------------------------|--------------------------|
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>   |                   |                         |                          |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu                             | 31                | -                       | -                        |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32                | -                       | -                        |
| 3. Tiền thu từ đi vay  | 33                | -                       | -                        |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay   | 34 V.16           | (7.249.712.000)         | (7.249.712.000)          |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính  | 35                | -                       | -                        |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu   | 36                | (32.910.925.428)        | (124.535.321.400)        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>  | <b>40</b>         | <b>(40.160.637.428)</b> | <b>(131.785.033.400)</b> |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>   | <b>50</b>         | <b>(26.963.000.947)</b> | <b>62.973.798.180</b>    |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>  | <b>60 V.1</b>     | <b>88.575.025.881</b>   | <b>25.601.182.616</b>    |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                    | 61 VI.3           | 46.718                  | 45.085                   |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>   | <b>70 V.1</b>     | <b>61.612.071.652</b>   | <b>88.575.025.881</b>    |

Người lập biểu

Nguyễn Xuân Tân

Kế toán trưởng

Phạm Thị Thu Hà

Lập, ngày 23 tháng 3 năm 2024

Giám đốc



Lê Văn Cường

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, đường thủy nội địa;
- Dịch vụ logistics;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Đại lý vận tải đường biển;
- Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa;
- Dịch vụ khai thuê hải quan;
- Dịch vụ cho thuê kho bãi, kiểm đếm, đóng gói hàng hóa./.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

#### 5. Cấu trúc Công ty

##### Công ty con

Công ty chỉ đầu tư vào một công ty con là Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai có trụ sở chính tại Cảng Tân Cảng Nhơn Trạch, Ấp 3, Xã Phú Thạnh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là dịch vụ cảng biển. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 51%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

##### Các Công ty liên kết

| Tên công ty                              | Địa chỉ trụ sở chính  | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ phần sở hữu | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
|--|---|----------------------------|---------------|-------------------|------------------------|
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành       | 1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh                   | Dịch vụ cảng biển          | 36,00%        | 36,00%            | 36,00%                 |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 – Hải Phòng | Hạ Đoạn, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng  | Dịch vụ cảng biển          | 36,00%        | 36,00%            | 36,00%                 |
| Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn   | 938/180 Nguyễn Thị Định, khu phố 3, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh | Dịch vụ cảng biển          | 24,39%        | 24,39%            | 20,00%                 |



## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### **6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

#### **7. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 294 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 295 nhân viên).

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

### **III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **2. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### ***Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết***

##### ***Công ty con***

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

##### ***Công ty liên kết***

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

##### ***Ghi nhận ban đầu***

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

##### ***Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết***

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

##### ***Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại đơn vị đó.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức lập dự phòng căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí liên quan đến kho bãi như chi phí thuê đất, chi phí xây dựng kho bãi và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### *Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phân đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

#### *Chi phí xây dựng*

Chi phí đầu tư xây dựng bãi chứa container rỗng (depot) được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê kho bãi là 05 năm.

#### *Chi phí thuê cơ sở hạ tầng*

Chi phí thuê cơ sở hạ tầng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê.

#### *Chi phí sửa chữa tài sản cố định*

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 03 năm.

### 8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u>                   | <u>Số năm</u> |
|---|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc                        | 5 - 10        |
| Máy móc và thiết bị                           | 3 - 10        |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn               | 6             |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý                     | 3 - 5         |
| Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm | 2             |
| Tài sản cố định khác                          | 5             |



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

#### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất còn lại là 35 năm 9 tháng.

#### *Chương trình phần mềm máy tính*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

### 10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### 11. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

#### *Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát*

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

### 12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### 13. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Khoản dự phòng phải trả của Công ty là dự phòng sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ.

#### *Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ*

Việc trích trước chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định theo định kỳ được căn cứ vào kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định. Nếu chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định thực tế cao hơn số đã trích thì phân chênh lệch được hạch toán toàn bộ vào chi phí hoặc phân bổ dần vào chi phí. Nếu chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định thực tế nhỏ hơn số đã trích thì phân chênh lệch được hạch toán giảm chi phí.

#### 14. Vốn chủ sở hữu

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### 15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

##### *Cổ tức được chia*

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### 17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

#### 18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### 19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

30/04  
CH  
C  
ÁCH  
M T  
TẠI  
V G D



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### 21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

|   | <u>Số cuối năm</u>           | <u>Số đầu năm</u>            |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt  | 75.769.659                   | 81.430.010                   |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn   | 13.536.301.993               | 21.993.595.871               |
| Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng) | 48.000.000.000               | 66.500.000.000               |
| <b>Cộng</b>   | <b><u>61.612.071.652</u></b> | <b><u>88.575.025.881</u></b> |

#### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

##### 2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

|  | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|--------------------|-------------------|
| Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 3 tháng đến 1 năm, lãi suất từ 4,4% - 5,7%/năm | 138.000.000.000    | 92.000.000.000    |



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

|  | Số cuối năm                            |          | Số đầu năm                             |          |
|--|--|----------|--|----------|
|  | Giá gốc                                | Dự phòng | Giá gốc                                | Dự phòng |
| <b>Đầu tư vào công ty con</b>              | <b>21.440.000.000</b>                  | -        | <b>21.440.000.000</b>                  | -        |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai | 21.440.000.000                         | -        | 21.440.000.000                         | -        |
| <b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>         | <b>97.120.000.000 (8.371.059.115)</b>  |          | <b>97.120.000.000 (4.874.538.481)</b>  |          |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng   | 33.120.000.000 (8.371.059.115)         |          | 33.120.000.000 (4.874.538.481)         |          |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành         | 54.000.000.000                         | -        | 54.000.000.000                         | -        |
| Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn     | 10.000.000.000                         | -        | 10.000.000.000                         | -        |
| <b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>      | <b>26.479.480.000</b>                  | -        | <b>26.479.480.000</b>                  | -        |
| Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái               | 11.812.500.000                         | -        | 11.812.500.000                         | -        |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội      | 14.666.980.000                         | -        | 14.666.980.000                         | -        |
| <b>Cộng</b>                                | <b>145.039.480.000 (8.371.059.115)</b> |          | <b>145.039.480.000 (4.874.538.481)</b> |          |

Số lượng cổ phần nắm giữ và tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các đơn vị như sau:

| Tên Công ty                                | Số cuối năm      |              | Số đầu năm       |              |
|--|------------------|--------------|------------------|--------------|
|  | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ sở hữu | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ sở hữu |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai | 2.295.200        | 51,00%       | 2.295.200        | 51,00%       |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành         | 5.400.000        | 36,00%       | 5.400.000        | 36,00%       |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng   | 3.312.000        | 36,00%       | 3.312.000        | 36,00%       |
| Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn     | 1.000.000        | 24,39%       | 1.000.000        | 24,39%       |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội      | 3.094.743        |              | 2.691.081        |              |
| Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái               | 1.237.500        | 3,64%        | 1.237.500        | 3,64%        |

**Giá trị hợp lý**

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính, chi tiết như sau:

|                                       | Số cuối năm    | Số đầu năm     |
|---------------------------------------|----------------|----------------|
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội | 57.716.959.748 | 46.017.485.100 |
| Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái          | 45.663.750.000 | 31.061.250.000 |

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**Tình hình hoạt động của công ty con và các công ty liên kết**

Công ty con và các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

*Giao dịch với các công ty liên kết*

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty liên kết như sau:

|  | <u>Năm nay</u>  | <u>Năm trước</u> |
|--|-----------------|------------------|
| <b><i>Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai</i></b> |                 |                  |
| Cổ tức được nhận từ Công ty con                          | 362.338.414     | -                |
| Cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết                    | 4.083.109.563   | 4.524.665.382    |
| Sử dụng dịch vụ của Công ty liên kết                     | 66.060.826.994  | 76.230.477.868   |
| <b><i>Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng</i></b>   |                 |                  |
| Cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết                    | 3.148.992.000   | 3.148.992.000    |
| <b><i>Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành</i></b>         |                 |                  |
| Cổ tức được nhận từ Công ty liên kết                     | 13.500.000.000  | 13.500.000.000   |
| Cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết                    | 375.446.900     | 360.472.000      |
| Sử dụng dịch vụ của Công ty liên kết                     | 337.845.612.652 | 261.757.836.154  |
| <b><i>Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn</i></b>     |                 |                  |
| Nhận dịch vụ của Công ty liên kết                        | 318.915.964.969 | 282.375.944.602  |
| Mua vật tư của Công ty liên kết                          | 21.257.800.000  | -                |
| Cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết                    | 698.023.036     | 81.914.588       |
| Cổ tức được nhận từ Công ty liên kết                     | 1.185.962.231   | 500.000.000      |

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

|   | <u>Số cuối năm</u>     | <u>Số đầu năm</u>      |
|---|------------------------|------------------------|
| <b><i>Phải thu các bên liên quan</i></b>                  | <b>200.717.040.157</b> | <b>102.958.806.402</b> |
| Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | 197.071.393.066        | 99.898.778.699         |
| Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng                          | 1.024.792.760          | 1.224.152.321          |
| Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng                       | 237.299.400            | -                      |
| Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng                     | 623.859.142            | 73.928.160             |
| Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng Hiệp Phước                  | 538.772.600            | 142.655.000            |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng                  | 283.409.280            | 850.227.840            |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu                        | 486.433.680            | 304.877.200            |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực                         | 18.354.600             | 54.097.200             |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng                | 342.781.462            | 367.726.422            |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành                        | 75.340.800             | -                      |
| Công ty TNHH Một thành viên Hoa Tiêu Tân Cảng             | -                      | 42.363.560             |
| Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ thông tin Tân Cảng    | 1.844.640              | -                      |
| Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng - Cái Mép              | 12.758.727             | -                      |
| <b><i>Phải thu các khách hàng khác</i></b>                | <b>24.537.709.770</b>  | <b>35.267.428.028</b>  |
| Maersk Line A/S   | 5.128.946.493          | 17.170.508.809         |
| Các khách hàng khác                                       | 19.408.763.277         | 18.096.919.219         |
| <b>Cộng</b>   | <b>225.254.749.927</b> | <b>138.226.234.430</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

|  | Số cuối năm          | Số đầu năm         |
|--|----------------------|--------------------|
| <b>Phải thu các bên liên quan</b>                          | -                    | 108.741.460        |
| Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng     | -                    | 108.741.460        |
| <b>Phải thu các khách hàng khác</b>                        | 1.954.001.400        | 728.320.414        |
| Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Thương mại và Đầu tư Lin Đan | 1.518.599.700        | -                  |
| Các nhà cung cấp khác                                      | 435.401.700          | 728.320.414        |
| <b>Cộng</b>  | <b>1.954.001.400</b> | <b>837.061.874</b> |

**5. Phải thu khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

|  | Số cuối năm          |          | Số đầu năm            |          |
|--|----------------------|----------|-----------------------|----------|
|  | Giá trị              | Dự phòng | Giá trị               | Dự phòng |
| <b>Phải thu các bên liên quan</b>                                  | 494.365.056          | -        | 597.103.800           | -        |
| Công ty Cổ phần Cát Lái Đông Sài Gòn - Đặt cọc thuê bãi            | 231.000.000          | -        | 231.000.000           | -        |
| Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn - Chi hệ | 263.365.056          | -        | 366.103.800           | -        |
| <b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>                        | 6.733.572.641        | -        | 21.885.852.009        | -        |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Đông Sài Gòn- Đặt cọc sử dụng dịch vụ     | 4.112.000.000        | -        | 2.000.000.000         | -        |
| Tiền đặt cọc thuê đất  | -                    | -        | 17.121.134.400        | -        |
| Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Hàng Hải Hoàng Giang     | -                    | -        | 15.000.000.000        | -        |
| Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Vinacconnect                     | -                    | -        | 2.121.134.400         | -        |
| Dự thu lãi tiền gửi  | 1.812.641.096        | -        | 1.487.531.507         | -        |
| Các khoản ký quỹ, ký cược  | 45.000.000           | -        | 15.000.000            | -        |
| Tạm ứng  | 302.183.646          | -        | 753.785.610           | -        |
| Công ty TNHH MTV Hiệp Huy Hoàng- Vốn góp hợp tác kinh doanh        | 375.000.000          | -        | 375.000.000           | -        |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác                                   | 86.747.899           | -        | 133.400.492           | -        |
| <b>Cộng</b>  | <b>7.227.937.697</b> | <b>-</b> | <b>22.482.955.809</b> | <b>-</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****5b. Phải thu dài hạn khác**

|   | Số cuối năm           |          | Số đầu năm           |          |
|---|-----------------------|----------|----------------------|----------|
|   | Giá trị               | Dự phòng | Giá trị              | Dự phòng |
| <i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>               | <b>19.991.300.000</b> | -        | <b>2.330.000.000</b> | -        |
| Đặt cọc cung cấp nước                                     | 30.000.000            | -        | 30.000.000           | -        |
| Đặt cọc thuê văn phòng tòa nhà TCL                        | 2.000.000.000         | -        | 2.000.000.000        | -        |
| Bà Bùi Thị Nở - Đặt cọc tiền thuê đất                     | 300.000.000           | -        | 300.000.000          | -        |
| Đặt cọc thuê bãi  | 14.661.300.000        | -        | -                    | -        |
| <i>Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 14</i>              | <i>8.316.000.000</i>  | -        | -                    | -        |
| <i>Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vận tải Quang Minh</i> | <i>3.000.000.000</i>  | -        | -                    | -        |
| <i>Công ty TNHH Tincons</i>                               | <i>6.345.300.000</i>  | -        | -                    | -        |
| <b>Cộng</b>   | <b>19.991.300.000</b> | -        | <b>2.330.000.000</b> | -        |

**6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

|   | Thời gian quá hạn | Số cuối năm        |                         | Thời gian quá hạn | Số đầu năm         |                         |
|---|-------------------|--------------------|-------------------------|-------------------|--------------------|-------------------------|
|   |                   | Giá gốc            | Giá trị đã lập dự phòng |                   | Giá gốc            | Giá trị đã lập dự phòng |
| Công ty Cổ phần An Xuyên                              | Trên 3 năm        | 65.268.450         | 65.268.450              | Trên 3 năm        | 65.268.450         | 65.268.450              |
| Công ty TNHH MTV Giao nhận Thương mại Khải Gia        | Trên 3 năm        | 64.118.219         | 64.118.219              | Trên 3 năm        | 64.118.219         | 64.118.219              |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Tạp phẩm Sài Gòn | Trên 3 năm        | 7.800.000          | 7.800.000               | Trên 3 năm        | 7.800.000          | 7.800.000               |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phân bón Toàn cầu              | Trên 3 năm        | 413.012.612        | 413.012.612             |                   | -                  | -                       |
| <b>Cộng</b>   |                   | <b>550.199.281</b> | <b>550.199.281</b>      |                   | <b>137.186.669</b> | <b>137.186.669</b>      |

**7. Hàng tồn kho**

|                                  | Số cuối năm    | Số đầu năm    |
|----------------------------------|----------------|---------------|
| Là nguyên liệu, vật liệu tồn kho | 12.916.648.263 | 9.348.121.893 |



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 8. Chi phí trả trước

##### 8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

|                          | <u>Số cuối năm</u>          | <u>Số đầu năm</u>        |
|--------------------------|-----------------------------|--------------------------|
| Chi phí phần mềm         | 63.487.742                  | 67.735.161               |
| Chi phí đồng phục bảo hộ | 665.386.100                 | -                        |
| Chi phí bảo hiểm         | 775.124.067                 | -                        |
| <b>Cộng</b>              | <b><u>1.503.997.909</u></b> | <b><u>67.735.161</u></b> |

##### 8b. Chi phí trả trước dài hạn

|   | <u>Số cuối năm</u>           | <u>Số đầu năm</u>            |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí sửa chữa, thay mới đệm, cầu Bền đóng gạo                    | 9.970.098.175                | 224.688.393                  |
| Chi phí sửa chữa, thi công tại Tân Cảng Nhon Trạch                  | 16.564.440.582               | 3.481.927.167                |
| Chi phí sửa chữa, cải tạo đường dây cấp nguồn điện Tân Cảng Mỹ Thủy | 1.100.195.056                | 607.129.499                  |
| Thi công, sửa chữa nội thất, lắp đặt trang thiết bị tòa nhà TCL     | 1.084.737.244                | 593.668.210                  |
| Chi phí thuê cơ sở hạ tầng Tân Cảng Nhon Trạch                      | -                            | 4.479.545.416                |
| Chi phí thuê đất depot Tân Cảng Mỹ Thủy                             | -                            | 1.330.376.941                |
| Chi phí thi công, nâng cấp tại Depot Tân Cảng Mỹ Thủy 2             | 1.434.025.376                | -                            |
| Chi phí thi công, xây dựng tại Depot Tân Cảng Tân Vạn               | 167.297.088                  | -                            |
| <b>Cộng</b>   | <b><u>11.285.992.760</u></b> | <b><u>10.717.335.626</u></b> |



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 9. Tài sản cố định hữu hình

|                                       | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị    | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm | Tài sản cố định khác  | Cộng                   |
|---------------------------------------|------------------------|------------------------|---------------------------------|---------------------------|---|-----------------------|------------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                     |                        |                        |                                 |                           |   |                       |                        |
| Số đầu năm                            | 261.557.831.347        | 542.474.985.956        | 10.299.375.511                  | 2.974.544.599             | 80.000.000                                    | 2.066.255.629         | 819.452.993.042        |
| Mua trong năm                         | -                      | -                      | 936.677.273                     | 78.030.000                | -   | 1.162.500.000         | 2.177.207.273          |
| Đầu tư XDCB hoàn thành                | 12.193.726.150         | -                      | -                               | -                         | -   | 8.424.951.250         | 20.618.677.400         |
| Thanh lý, nhượng bán                  | (502.381.374)          | (4.649.430.054)        | (1.912.766.953)                 | (540.268.090)             | -   | -                     | (7.604.846.471)        |
| <b>Số cuối năm</b>                    | <b>273.249.176.123</b> | <b>537.825.555.902</b> | <b>9.323.285.831</b>            | <b>2.512.306.509</b>      | <b>80.000.000</b>                             | <b>11.653.706.879</b> | <b>834.644.031.244</b> |
| <b>Trong đó:</b>                      |                        |                        |                                 |                           |   |                       |                        |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 8.750.705.700          | 187.235.846.411        | 4.780.866.739                   | 2.346.376.509             | 80.000.000                                    | 215.582.902           | 203.409.378.261        |
| Chờ thanh lý                          | -                      | -                      | -                               | -                         | -   | -                     | -                      |
| <b>Giá trị hao mòn</b>                |                        |                        |                                 |                           |   |                       |                        |
| Số đầu năm                            | 107.166.537.543        | 454.925.134.873        | 8.252.445.498                   | 2.865.992.158             | 80.000.000                                    | 1.103.926.667         | 574.394.036.739        |
| Khấu hao trong năm                    | 10.730.420.007         | 11.907.433.985         | 679.013.406                     | 77.602.122                | -   | 1.002.382.751         | 24.396.852.271         |
| Thanh lý, nhượng bán                  | -                      | (4.649.430.054)        | (1.912.766.953)                 | (540.268.090)             | -   | -                     | (7.102.465.097)        |
| <b>Số cuối năm</b>                    | <b>117.896.957.550</b> | <b>462.183.138.804</b> | <b>7.018.691.951</b>            | <b>2.403.326.190</b>      | <b>80.000.000</b>                             | <b>2.106.309.418</b>  | <b>591.688.423.913</b> |
| <b>Giá trị còn lại</b>                |                        |                        |                                 |                           |   |                       |                        |
| Số đầu năm                            | 154.391.293.804        | 87.549.851.083         | 2.046.930.013                   | 108.552.441               | -   | 962.328.962           | 245.058.956.303        |
| <b>Số cuối năm</b>                    | <b>155.352.218.573</b> | <b>75.642.417.098</b>  | <b>2.304.593.880</b>            | <b>108.980.319</b>        | -   | <b>9.547.397.461</b>  | <b>242.955.607.331</b> |
| <b>Trong đó:</b>                      |                        |                        |                                 |                           |   |                       |                        |
| Tạm thời chưa sử dụng                 | -                      | -                      | -                               | -                         | -   | -                     | -                      |
| Đang chờ thanh lý                     | -                      | -                      | -                               | -                         | -   | -                     | -                      |

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 70.489.697.090 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****10. Tài sản cố định vô hình**

|                                       | Quyền sử dụng đất (*) | Chương trình phần mềm máy tính | Cộng                  |
|---------------------------------------|-----------------------|--------------------------------|-----------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                     |                       |                                |                       |
| Số đầu năm                            | 27.991.682.391        | 580.229.000                    | 28.571.911.391        |
| Mua trong năm                         | -                     | 120.000.000                    | 120.000.000           |
| <b>Số cuối năm</b>                    | <b>27.991.682.391</b> | <b>700.229.000</b>             | <b>28.691.911.391</b> |
| <i>Trong đó:</i>                      |                       |                                |                       |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | -                     | 580.229.000                    | 580.229.000           |
| <b>Giá trị hao mòn</b>                |                       |                                |                       |
| Số đầu năm                            | 4.528.066.235         | 580.229.000                    | 5.108.295.235         |
| Khấu hao trong năm                    | 705.672.660           | 8.924.730                      | 714.597.390           |
| <b>Số cuối năm</b>                    | <b>5.233.738.895</b>  | <b>589.153.730</b>             | <b>5.822.892.625</b>  |
| <b>Giá trị còn lại</b>                |                       |                                |                       |
| Số đầu năm                            | 23.463.616.156        | -                              | 23.463.616.156        |
| <b>Số cuối năm</b>                    | <b>22.757.943.496</b> | <b>111.075.270</b>             | <b>22.869.018.766</b> |
| <i>Trong đó:</i>                      |                       |                                |                       |
| Tạm thời không sử dụng                | -                     | -                              | -                     |
| Đang chờ thanh lý                     | -                     | -                              | -                     |

(\*) Là quyền sử dụng đất tại phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh nhận chuyển nhượng từ Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 2; thời hạn sử dụng đến ngày 30 tháng 8 năm 2055; có giá trị còn lại 22.757.943.496 VNĐ đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn.

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

|  | Số đầu năm           | Chi phí phát sinh     | Kết chuyển vào TSCĐ     | Kết chuyển vào chi phí trả trước | Số cuối năm          |
|--|----------------------|-----------------------|-------------------------|----------------------------------|----------------------|
| Mua sắm tài sản cố định                                  | 288.000.000          | 2.297.207.273         | (2.297.207.273)         | -                                | 288.000.000          |
| Xây dựng cơ bản dở dang                                  | 8.833.194.393        | 31.078.599.686        | (20.618.677.400)        | (16.624.689.355)                 | 2.668.427.324        |
| Dự án di dời kho xăng dầu vùng 2                         | 1.611.743.923        | 196.495.418           | -                       | -                                | 1.808.239.341        |
| Dự án Đầu tư xây dựng Bãi Container tại ICD TCNT         | -                    | 11.820.555.780        | (11.820.555.780)        | -                                | -                    |
| Công trình nâng cấp hệ thống PCCC cảng cạn TCNT          | -                    | 3.641.105.065         | -                       | (3.641.105.065)                  | -                    |
| Công trình nâng cấp hệ thống PCCC bến sà lan 125         | -                    | 2.427.450.460         | -                       | (2.427.450.460)                  | -                    |
| Công trình Nạo vét duy tu khu nước trước bến sà lan TCNT | -                    | 2.976.397.257         | -                       | (2.976.397.257)                  | -                    |
| Công trình Nạo vét duy tu khu nước trước bến Lữ đoàn 125 | -                    | 7.579.736.573         | -                       | (7.579.736.573)                  | -                    |
| Dự án đầu tư Giàn PTI 200 ở cảng tại ICD TCNT            | 6.676.937.408        | 1.748.013.842         | (8.424.951.250)         | -                                | -                    |
| Các công trình khác                                      | 544.513.062          | 688.845.291           | (373.170.370)           | -                                | 860.187.983          |
| <b>Cộng</b>  | <b>9.121.194.393</b> | <b>33.375.806.959</b> | <b>(22.915.884.673)</b> | <b>(16.624.689.355)</b>          | <b>2.956.427.324</b> |



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 12. Phải trả người bán ngắn hạn

|  | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|--|------------------------|------------------------|
| <b>Phải trả các bên liên quan</b>                    | <b>152.708.265.163</b> | <b>92.134.557.800</b>  |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Phú Hữu                     | 25.923.240             | -                      |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng           | 11.834.236.546         | 9.483.298.399          |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng | 244.129.731            | 14.727.273             |
| Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn               | 20.641.457.950         | 6.121.917.835          |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng            | 5.163.866.468          | 2.521.721.715          |
| Công ty Cổ phần Kho Vận Tân Cảng                     | 56.552.040             | -                      |
| Công ty TNHH Phát triển nguồn Nhân lực STC           | -                      | 185.968.838            |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành                   | 97.007.582.280         | 49.134.840.954         |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai           | 16.638.609.588         | 21.753.629.134         |
| Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng                | 1.095.907.320          | 2.911.973.652          |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng HMM                | -                      | 6.480.000              |
| <b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>                | <b>23.725.358.844</b>  | <b>15.394.917.198</b>  |
| Các nhà cung cấp khác                                | 23.725.358.844         | 15.394.917.198         |
| <b>Cộng</b>  | <b>176.433.624.007</b> | <b>107.529.474.998</b> |

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

#### 13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

|  | Số đầu năm            | Số phải nộp trong năm | Số đã thực nộp trong năm | Số cuối năm           |
|--|-----------------------|-----------------------|--------------------------|-----------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa                       | 137.734.568           | 27.291.249.484        | (27.428.984.052)         | -                     |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp                       | 9.641.279.944         | 28.858.846.107        | (27.015.576.438)         | 11.484.549.613        |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp hộ bên liên doanh | 1.054.473.015         | 4.205.729.571         | (3.940.830.792)          | 1.319.371.794         |
| Thuế thu nhập cá nhân                            | 546.224.841           | 7.234.920.353         | (7.593.930.774)          | 187.214.420           |
| Các loại thuế khác                               | -                     | 4.500.000             | (4.500.000)              | -                     |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác           | -                     | 196.091.008           | (196.091.008)            | -                     |
| <b>Cộng</b>                                      | <b>11.379.712.368</b> | <b>67.791.336.523</b> | <b>(66.179.913.064)</b>  | <b>12.991.135.827</b> |

#### Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho tiền bán nước là 5%, dịch vụ khác là 8% và 10%.

#### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾ DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

|  | <u>Năm nay</u>        | <u>Năm trước</u>      |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế  | 162.616.120.811       | 152.064.848.920       |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | 2.616.805.870         | 2.674.538.732         |
| - Các khoản điều chỉnh tăng  | 4.727.030.661         | 6.690.539.612         |
| <i>Các khoản chi phí không hợp lệ</i>  | 4.726.985.576         | 4.107.779.139         |
| <i>Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại tiền năm trước</i>  | 45.085                | -                     |
| <i>Các khoản chi phí trích trước chưa có hóa đơn</i>   | -                     | 2.582.760.473         |
| - Các khoản điều chỉnh giảm  | (2.110.224.791)       | (4.016.000.880)       |
| <i>Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại tiền cuối năm nay</i>                                     | (46.718)              | (45.085)              |
| <i>Chênh lệch tạm thời mà không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại năm trước</i>                            | (2.110.178.073)       | (4.015.934.233)       |
| <i>Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại tiền cuối năm trước đã thực hiện trong năm nay</i>                  | -                     | (21.562)              |
| Thu nhập chịu thuế   | 165.232.926.681       | 154.739.387.652       |
| Thu nhập được miễn thuế  | (20.947.841.145)      | (16.970.000.000)      |
| Thu nhập tính thuế   | 144.285.085.536       | 137.769.387.652       |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp   | 20%                   | 20%                   |
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>   | <b>28.857.017.107</b> | <b>27.553.877.528</b> |
| <i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>                                  | <i>1.829.000</i>      | -                     |
| <b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>  | <b>28.858.846.107</b> | <b>27.553.877.528</b> |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

#### **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

|  | <u>Số cuối năm</u>    | <u>Số đầu năm</u>     |
|--|-----------------------|-----------------------|
| <b>Phải trả các bên liên quan</b>  | <b>18.322.814.365</b> | <b>17.118.494.513</b> |
| Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Chi phí thuê đất   | 472.582.400           | 472.582.400           |
| Công ty Cổ phần Cát Lái- Đông Sài Gòn<br>- Chi phí vận chuyển, xếp dỡ, lưu bãi | -                     | 8.376.115.400         |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành<br>- Chi phí vận chuyển, xếp dỡ, lưu bãi    | 17.850.231.965        | 8.269.796.713         |
| <b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>                                    | <b>4.295.045.700</b>  | <b>2.716.682.073</b>  |
| Chi phí vận chuyển, xếp dỡ   | 1.190.188.350         | 584.746.425           |
| Chi phí lưu bãi  | 3.104.857.350         | 1.525.431.648         |
| Các chi phí phải trả ngắn hạn khác   | -                     | 606.504.000           |
| <b>Cộng</b>  | <b>22.617.860.065</b> | <b>19.835.176.586</b> |

**15. Phải trả khác****15a. Phải trả ngắn hạn khác**

|   | <u>Số cuối năm</u>    | <u>Số đầu năm</u>     |
|---|-----------------------|-----------------------|
| <b>Phải trả các bên liên quan</b>   | <b>21.350.903.936</b> | <b>16.365.233.005</b> |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành - lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh <sup>(i)</sup>                       | 13.378.334.623        | 10.799.042.243        |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai - lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh                              | 3.892.452.914         | 3.237.215.353         |
| - Thu chi hộ  | 266.960.056           | 537.454.800           |
| - Đặt cọc thuê văn phòng  | 280.909.200           | -                     |
| - Phải trả lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh <sup>(i)</sup>   | 3.344.583.658         | 2.699.760.553         |
| Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng - lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh <sup>(ii)</sup>           | 4.080.116.399         | 2.328.975.409         |
| <b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>   | <b>15.948.232.904</b> | <b>14.073.457.201</b> |
| Kinh phí công đoàn  | 699.538.669           | 539.374.007           |
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế  | 722.401.407           | 653.883.613           |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả  | 6.279.515.215         | 5.077.872.990         |
| Đặt cọc thuê văn phòng  | 283.806.100           | -                     |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Tiếp vận Union One - lợi nhuận từ hợp tác liên doanh <sup>(ii)</sup> | 1.125.671.572         | 58.244.191            |
| Phải trả Công ty Hiệp Huy Hoàng - phí dịch vụ từ hợp tác kinh doanh <sup>(iii)</sup>                      | 4.922.483.282         | 5.653.824.986         |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác  | 1.914.816.659         | 2.090.257.414         |
| <b>Cộng</b>   | <b>37.299.136.840</b> | <b>30.438.690.206</b> |



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 15b. Phải trả dài hạn khác

|  | <u>Số cuối năm</u>    | <u>Số đầu năm</u>     |
|--|-----------------------|-----------------------|
| <b>Phải trả các bên liên quan</b>  | <b>28.313.210.000</b> | <b>28.464.464.000</b> |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành   |                       |                       |
| – Vốn góp hợp tác liên doanh <sup>(i)</sup>  | 6.000.000.000         | 6.000.000.000         |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai   |                       |                       |
| – Vốn góp hợp tác liên doanh <sup>(i)</sup>  | 1.500.000.000         | 1.500.000.000         |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai   |                       |                       |
| – Đặt cọc thuê văn phòng   | -                     | 214.464.000           |
| Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng - Đặt cọc tiền thuê văn phòng                 | 63.210.000            | -                     |
| Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng – Vốn góp hợp tác liên doanh <sup>(ii)</sup>           | 18.750.000.000        | 18.750.000.000        |
| Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng – Đặt cọc tiền thuê văn phòng                          | 2.000.000.000         | 2.000.000.000         |
| <b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>  | <b>17.134.610.404</b> | <b>17.478.626.504</b> |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Tiếp vận Union One - Vốn góp hợp tác kinh doanh <sup>(ii)</sup> | 12.500.000.000        | 12.500.000.000        |
| Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn   | 4.634.610.404         | 4.978.626.504         |
| <b>Cộng</b>  | <b>45.447.820.404</b> | <b>45.943.090.504</b> |

#### Thông tin bổ sung về các hợp đồng hợp tác kinh doanh:

- (i) Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 490/HĐ-GNVT-KHKD ngày 30 tháng 5 năm 2014, Biên bản thỏa thuận tăng vốn ngày 25 tháng 5 năm 2016 và các thỏa thuận bổ sung về hợp tác kinh doanh khai thác bãi Container và các dịch vụ liên quan đến xếp dỡ container hàng imo, cont tank tại Depot 6 – Cảng Cát Lái, 3 bên tham gia gồm: Công ty góp 7.500.000.000 VND tương đương 50%; Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành góp 6.000.000.000 VND tương đương 40%; Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai góp 1.500.000.000 VND, tương đương 10%. Thời hạn hợp tác được tự động gia hạn theo thời hạn thuê bãi.
- (ii) Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 612/2015/TCL-HT-TT ngày 26 tháng 10 năm 2015 và Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp ngày 10 tháng 01 năm 2017 về việc hợp tác kinh doanh để thực hiện dự án “nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư xây dựng, khai thác tòa nhà văn phòng làm việc” tại phường Mỹ Thạnh Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, 3 bên tham gia gồm: Công ty góp 50%; Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng góp 30% và Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Tiếp vận Union One (nhận chuyển nhượng từ Công ty TNHH MTV Xây dựng Thương mại và Dịch vụ Thủ Thiêm) góp 20% tổng vốn đầu tư của dự án. Công ty là bên đại diện cho hợp doanh. Thời hạn của hợp đồng là 50 năm.
- (iii) Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 399/HĐ-TCL-KHKD ngày 01 tháng 10 năm 2020 về hợp tác khai thác bãi container và các dịch vụ liên quan đến container của hãng tàu ONE và KMTC tại Depot Tân Cảng Mỹ Thủy thuộc Khu công nghiệp Cát Lái 2, 2 bên tham gia gồm: Công ty (bên B) và Công ty TNHH Một thành viên Hiệp Huy Hoàng (Bên A). Trong đó, Bên A là bên đại diện hợp doanh, Bên B là bên quản lý, điều hành hoạt động của hợp doanh và được trả phí. Tổng vốn hoạt động là 1.500.000.000 VND, trong đó, Bên A góp 1.125.000.000 VND (75%), Bên B góp 375.000.000 VND (25%). Công ty là bên quản lý, điều hành hoạt động của hợp doanh, chịu trách nhiệm xuất hóa đơn và thu tiền từ khách hàng, sau đó chuyển trả lại Bên A phần phân chia cho hợp doanh (được xác định theo tỷ lệ % tiền thu từ khách hàng tùy theo từng loại dịch vụ).



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 15c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

#### 16. Vay

##### 16a. Vay ngắn hạn

Vay ngắn hạn chỉ bao gồm vay dài hạn đến hạn trả các ngân hàng (xem thuyết minh số V.16b).

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

|                                 | <u>Năm nay</u>              | <u>Năm trước</u>            |
|---------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Số đầu năm                      | 7.249.712.000               | 7.249.712.000               |
| Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn | 7.249.712.000               | 7.249.712.000               |
| Số tiền vay đã trả              | <u>(7.249.712.000)</u>      | <u>(7.249.712.000)</u>      |
| <b>Số cuối năm</b>              | <b><u>7.249.712.000</u></b> | <b><u>7.249.712.000</u></b> |

##### 16b. Vay dài hạn

|   | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|--------------------|-------------------|
| Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn | 9.061.412.252      | 16.311.124.252    |

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Khoản vay theo hợp đồng tín dụng ngày 24/01/2018, để đầu tư dự án: "Nhận quyền chuyển nhượng QSDĐ và Đầu tư xây dựng khai thác tòa nhà làm việc" tại lô 11, Khu dân cư số 1, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Q2, TPHCM. Tổng số tiền hợp đồng tín dụng là: 62.500.000.000 VND, trong vòng 18 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Các khoản vay phải hoàn trả theo 28 lần hoàn trả bằng nhau vào mỗi quý bắt đầu vào tháng thứ 15 kể từ ngày rút vốn lần đầu. Lãi suất thả nổi, được xác định thời điểm giải ngân. Tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất và công trình hình thành trên đất tại Thửa đất số 471, tờ bản đồ số 22, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

|                      | <u>Số cuối năm</u>           | <u>Số đầu năm</u>            |
|----------------------|------------------------------|------------------------------|
| Từ 1 năm trở xuống   | 7.249.712.000                | 7.249.712.000                |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 9.061.412.252                | 16.311.124.252               |
| Trên 5 năm           | -                            | -                            |
| <b>Cộng</b>          | <b><u>16.311.124.252</u></b> | <b><u>23.560.836.252</u></b> |

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

|                              | <u>Năm nay</u>              | <u>Năm trước</u>             |
|------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
| Số đầu năm                   | 16.311.124.252              | 23.560.836.252               |
| Kết chuyển sang vay ngắn hạn | <u>(7.249.712.000)</u>      | <u>(7.249.712.000)</u>       |
| <b>Số cuối năm</b>           | <b><u>9.061.412.252</u></b> | <b><u>16.311.124.252</u></b> |



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

|                                | Quỹ khen thưởng      | Quỹ phúc lợi         | Quỹ thưởng<br>Ban điều hành | Cộng                  |
|--------------------------------|----------------------|----------------------|-----------------------------|-----------------------|
| Số đầu năm                     | 4.047.052.087        | 7.824.266.649        | -                           | 11.871.318.736        |
| Tăng do trích lập từ lợi nhuận | 11.411.220.984       | 11.411.220.984       | 772.000.000                 | 23.594.441.968        |
| Tăng khác (Công ty mẹ cấp)     | 53.000.000           | -                    | -                           | 53.000.000            |
| Chi quỹ trong năm              | (6.850.436.000)      | (10.199.561.750)     | (772.000.000)               | (17.821.997.750)      |
| <b>Số cuối năm</b>             | <b>8.660.837.071</b> | <b>9.035.925.883</b> | <b>-</b>                    | <b>17.696.762.954</b> |

#### 18. Vốn chủ sở hữu

##### 18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

|   | Vốn đầu tư của<br>chủ sở hữu | Thặng dư<br>vốn cổ phần | Quỹ đầu tư<br>phát triển | Lợi nhuận sau<br>thuế chưa phân<br>phối | Cộng                   |
|---|------------------------------|-------------------------|--------------------------|---|------------------------|
| Số đầu năm trước  | 301.584.360.000              | 20.712.126.338          | 80.344.430.827           | 128.994.816.564                         | 531.635.733.729        |
| Lợi nhuận trong năm<br>trước  | -                            | -                       | -                        | 124.510.971.392                         | 124.510.971.392        |
| Chia cổ tức từ lợi nhuận<br>năm trước   | -                            | -                       | -                        | (126.665.431.200)                       | (126.665.431.200)      |
| Trích lập các quỹ từ lợi<br>nhuận trong năm                                     | -                            | -                       | 37.353.291.418           | (58.709.997.710)                        | (21.356.706.292)       |
| Trích thưởng Ban điều<br>hành hoạt động liên<br>doanh từ lợi nhuận trong<br>năm | -                            | -                       | -                        | (100.000.000)                           | (100.000.000)          |
| Trích lập các quỹ từ lợi<br>nhuận năm trước                                     | -                            | -                       | -                        | (80.000.000)                            | (80.000.000)           |
| <b>Số dư cuối năm trước</b>   | <b>301.584.360.000</b>       | <b>20.712.126.338</b>   | <b>117.697.722.245</b>   | <b>67.950.359.046</b>                   | <b>507.944.567.629</b> |
| Số dư đầu năm nay   | 301.584.360.000              | 20.712.126.338          | 117.697.722.245          | 67.950.359.046                          | 507.944.567.629        |
| Lợi nhuận trong năm<br>nay  | -                            | -                       | -                        | 133.757.274.704                         | 133.757.274.704        |
| Chia cổ tức từ lợi nhuận<br>năm trước   | -                            | -                       | -                        | (67.278.359.046)                        | (67.278.359.046)       |
| Trích lập các quỹ từ lợi<br>nhuận năm trước                                     | -                            | -                       | -                        | (772.000.000)                           | (772.000.000)          |
| Điều chỉnh chia lãi liên<br>doanh của năm trước                                 | -                            | -                       | -                        | 100.000.000                             | 100.000.000            |
| Trích lập các quỹ từ lợi<br>nhuận năm nay                                       | -                            | -                       | 40.127.182.411           | (62.949.624.379)                        | (22.822.441.968)       |
| <b>Số dư cuối năm nay</b>   | <b>301.584.360.000</b>       | <b>20.712.126.338</b>   | <b>157.824.904.656</b>   | <b>70.807.650.325</b>                   | <b>550.929.041.319</b> |

##### 18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

|  | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|--|------------------------|------------------------|
| Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty<br>Tân Cảng Sài Gòn | 153.812.730.000        | 153.812.730.000        |
| Các cổ đông khác   | 147.771.630.000        | 147.771.630.000        |
| <b>Cộng</b>  | <b>301.584.360.000</b> | <b>301.584.360.000</b> |



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 18c. Cổ phiếu

|   | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|--------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành | 30.158.436         | 30.158.436        |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành      | 30.158.436         | 30.158.436        |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại      | -                  | -                 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành     | 30.158.436         | 30.158.436        |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

#### 18d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 443/NQ-ĐHĐCĐTN.2023 ngày 15 tháng 6 năm 2023 như sau:

|   | <u>VND</u>       |
|---|------------------|
| Phân phối từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước    |                  |
| • Chia cổ tức cho các cổ đông                               | : 67.278.359.046 |
| • Hoàn trích khen thưởng hợp doanh                          | : 100.000.000    |
| • Trích quỹ thưởng Ban quản lý điều hành                    | : 772.000.000    |
| Tạm phân phối lợi nhuận sau thuế trong năm                  |                  |
| • Trích quỹ đầu tư phát triển (30% lợi nhuận sau thuế)      | : 40.127.182.411 |
| • Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (25% quỹ lương thực hiện) | : 22.822.441.968 |

#### 19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

##### 19a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

|                      | <u>Số cuối năm</u>            | <u>Số đầu năm</u>             |
|----------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Từ 1 năm trở xuống   | 103.803.864.753               | 193.092.480.291               |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 121.284.966.426               | 82.507.550.751                |
| Trên 5 năm           | 896.661.360                   | 6.471.036.000                 |
| <b>Cộng</b>          | <b><u>225.985.492.539</u></b> | <b><u>282.071.067.042</u></b> |

##### 19b. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 65,34 USD (số đầu năm là 65,34 USD).



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

|                                   | <u>Năm nay</u>                  | <u>Năm trước</u>                |
|-----------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Doanh thu dịch vụ vận tải, xếp dỡ | 270.741.445.669                 | 328.873.970.370                 |
| Doanh thu dịch vụ Depot           | 1.130.375.400.287               | 894.919.213.902                 |
| Doanh thu dịch vụ khác            | 89.787.755.952                  | 95.559.746.538                  |
| <b>Cộng</b>                       | <b><u>1.490.904.601.908</u></b> | <b><u>1.319.352.930.810</u></b> |

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty còn phát sinh các giao dịch cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:

|   | <u>Năm nay</u>  | <u>Năm trước</u> |
|---|-----------------|------------------|
| Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | 860.187.364.491 | 721.807.466.046  |
| Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng                          | 2.937.225.569   | 2.970.230.821    |
| Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng                       | 2.702.499.506   | 4.297.591.414    |
| Công ty Cổ phần Vận tải Thuyền Tân Cảng                   | 1.625.936.709   | 515.321.132      |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu                        | 1.747.696.265   | 1.020.399.517    |
| Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ thông tin Tân Cảng    | 228.147.500     | -                |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực                         | 194.699.545     | 304.036.393      |
| Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng - Hiệp Phước                | 1.296.050.746   | 504.524.546      |
| Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng - Cái Mép              | 192.106.364     | 28.583.333       |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng                | 1.316.400.791   | 1.349.662.977    |
| Công ty TNHH Một thành viên Hoa Tiêu Tân Cảng             | 5.294.623.080   | 5.292.361.707    |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng                 | 23.121.818      | 16.348.821       |

### 2. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn dịch vụ cung cấp trong năm

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

|   | <u>Năm nay</u>               | <u>Năm trước</u>             |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn  | 11.478.210.111               | 5.250.671.034                |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn   | 64.539.030                   | 40.735.521                   |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia   | 20.947.841.145               | 16.970.000.000               |
| Lãi chênh lệch tỉ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 46.718                       | 45.085                       |
| <b>Cộng</b>   | <b><u>32.490.637.004</u></b> | <b><u>22.261.451.640</u></b> |



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 4. Chi phí tài chính

|  | <u>Năm nay</u>              | <u>Năm trước</u>              |
|--|-----------------------------|-------------------------------|
| Chi phí lãi vay  | 1.025.856.761               | 1.236.186.788                 |
| Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư | 3.496.520.634               | (2.457.415.106)               |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>4.522.377.395</u></b> | <b><u>(1.221.228.318)</u></b> |

#### 5. Chi phí bán hàng

|                           | <u>Năm nay</u>               | <u>Năm trước</u>             |
|---------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí hoa hồng dịch vụ  | 27.246.350.059               | 27.518.348.947               |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 3.132.989.368                | 3.566.935.552                |
| Các chi phí khác          | 4.560.007.841                | 1.704.876.000                |
| <b>Cộng</b>               | <b><u>34.939.347.268</u></b> | <b><u>32.790.160.499</u></b> |

#### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

|                                  | <u>Năm nay</u>               | <u>Năm trước</u>             |
|----------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí cho nhân viên            | 35.423.482.129               | 34.366.669.867               |
| Chi phí đồ dùng văn phòng        | 1.038.461.651                | 806.158.612                  |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 709.723.133                  | 556.701.977                  |
| Thuế, phí và lệ phí              | 114.151.891                  | 135.654.111                  |
| Dự phòng phải thu khó đòi        | 413.012.612                  | -                            |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 7.950.675.840                | 7.478.110.531                |
| Các chi phí khác                 | 19.757.489.957               | 18.480.334.112               |
| <b>Cộng</b>                      | <b><u>65.406.997.213</u></b> | <b><u>61.823.629.210</u></b> |

#### 7. Thu nhập khác

|                              | <u>Năm nay</u>              | <u>Năm trước</u>         |
|------------------------------|-----------------------------|--------------------------|
| Lãi thanh lý tài sản cố định | 557.480.909                 | -                        |
| Tiền thu bồi thường tổn thất | 1.558.718.789               | 3.535.000                |
| Thu nhập khác                | 18.579.700                  | 11.092.472               |
| <b>Cộng</b>                  | <b><u>2.134.779.398</u></b> | <b><u>14.627.472</u></b> |

#### 8. Chi phí khác

|                           | <u>Năm nay</u>           | <u>Năm trước</u>         |
|---------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Thuế bị phạt, bị truy thu | 35.285.576               | 738.958                  |
| Chi phí bồi thường        | -                        | 24.054.363               |
| Chi phí khác              | 2.564.504                | 4.549.376                |
| <b>Cộng</b>               | <b><u>37.850.080</u></b> | <b><u>29.342.697</u></b> |

#### 9. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

|   | <u>Năm nay</u>                  | <u>Năm trước</u>                |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu                                   | 54.901.204.459                  | 56.701.299.802                  |
| Chi phí nhân công   | 104.086.969.946                 | 98.411.861.579                  |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định (*)                            | 23.657.211.817                  | 24.524.432.361                  |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                                       | 1.144.168.616.506               | 956.774.537.885                 |
| Chi phí khác  | 31.539.667.296                  | 54.343.914.996                  |
| <b>Cộng</b>   | <b><u>1.358.353.670.024</u></b> | <b><u>1.190.756.046.623</u></b> |
|   |                                 |                                 |
| (*) Tổng số khấu hao đã trích trong năm (thuyết minh V.9, V.10) | 25.111.449.661                  | 25.857.483.718                  |
| Khấu hao phân chia các bên hợp tác kinh doanh                   | (1.454.237.844)                 | (1.333.051.357))                |
| <b>Chi phí khấu hao của Công ty</b>                             | <b><u>23.657.211.817</u></b>    | <b><u>24.524.432.361</u></b>    |

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

|                      | <u>Số cuối năm</u>           | <u>Số đầu năm</u>             |
|----------------------|------------------------------|-------------------------------|
| Từ 1 năm trở xuống   | 6.016.185.427                | 74.440.262.968                |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 14.132.967.512               | 25.100.116.378                |
| Trên 5 năm           | 29.527.500.000               | 26.418.939.000                |
| <b>Cộng</b>          | <b><u>49.676.652.939</u></b> | <b><u>125.959.318.346</u></b> |

### 2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### *Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

|                               |                     | <u>Năm nay</u>              | <u>Năm trước</u>            |
|-------------------------------|---------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| <b>Hội đồng quản trị</b>      |                     |                             |                             |
| Ông Lê Hoàng Linh             | Chủ tịch            | 1.487.321.024               | 1.396.816.389               |
| Ông Lê Văn Cường              | Thành viên/Giám đốc | 1.410.760.042               | 1.248.807.616               |
| Ông Hoàng Đức Thịnh           | Thành viên          | 117.540.373                 | 89.331.476                  |
| Ông Nguyễn Xuân Bình          | Thành viên          | 28.770.186                  | 84.150.417                  |
| Ông Phạm Trung Nghị           | Thành viên          | 88.770.186                  | 30.000.000                  |
| Ông Ngô Ngọc Khánh            | Thành viên          | 88.770.186                  | 140.749.659                 |
| <b>Ban Kiểm soát</b>          |                     |                             |                             |
| Ông Phạm Văn Phụng            | Trưởng ban          | 117.540.373                 | 89.331.476                  |
| Ông Trần Văn Trường           | Thành viên          | 635.221.551                 | 538.594.187                 |
| Bà Lê Thị Kim Chung           | Thành viên          | 76.032.298                  | 49.554.317                  |
| <b>Ban điều hành, quản lý</b> |                     |                             |                             |
| Ông Đặng Thanh Sơn            | Phó Giám đốc        | 966.370.821                 | 861.004.874                 |
| Ông Châu Thanh Hải            | Phó Giám đốc        | 930.618.081                 | 837.233.099                 |
| Ông Nguyễn Văn Hòa            | Phó Giám đốc        | 875.882.361                 | 574.226.844                 |
| Bà Phạm Thị Thu Hà            | Kế toán trưởng      | 794.736.524                 | 685.233.684                 |
| <b>Cộng</b>                   |                     | <b><u>7.618.334.007</u></b> | <b><u>6.625.034.038</u></b> |

#### **2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác có phát sinh giao dịch với Công ty trong năm gồm:

| <b>Bên liên quan khác</b>                                 | <b>Mối quan hệ</b>    |
|---|-----------------------|
| Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | Công ty mẹ            |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai                | Công ty con           |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng                  | Công ty liên kết      |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành                        | Công ty liên kết      |
| Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn                    | Công ty liên kết      |
| Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng  | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Sóng Thần                  | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng                          | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình                  | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng                       | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng                     | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng                 | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng - Cái Mép                        | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng    | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng Hiệp Phước                  | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty TNHH Phát triển nguồn Nhân lực Tân Cảng - STC     | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Tân Cảng Số Một                  | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Phú Hữu                          | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Nhiên liệu Tân Cảng                       | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực                         | Công ty cùng Tập đoàn |



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

| <u>Bên liên quan khác</u>                            | <u>Mối quan hệ</u>    |
|--|-----------------------|
| Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái                         | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty TNHH Tiếp vận SITC Tân Cảng                  | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng           | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng - Tây Ninh                  | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty TNHH Tiếp vận Tân Cảng HMM                   | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng | Công ty cùng Tập đoàn |

#### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với các liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan khác như sau:

|   | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|----------------|------------------|
| Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn     |                |                  |
| <i>Công ty mẹ cung cấp dịch vụ</i>                            | 13.366.004.550 | 14.830.007.475   |
| <i>Trả cổ tức cho công ty mẹ</i>                              | 34.313.013.032 | 64.599.369.912   |
| Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng                 |                |                  |
| <i>Chia doanh thu hợp tác kinh doanh</i>                      | 4.669.400.179  | 4.623.256.095    |
| <i>Chia chi phí hợp tác kinh doanh</i>                        | 3.148.834.604  | 3.177.839.108    |
| Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái                                  |                |                  |
| <i>Nhận cổ tức</i>  | 4.554.000.000  | 2.970.000.000    |
| Chi phí sử dụng dịch vụ                                       |                |                  |
| <i>Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng</i>                    | 432.160.380    | 588.014.800      |
| <i>Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng</i>                  | 8.142.111.550  | 10.594.514.800   |
| <i>Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng</i>              | 19.774.755.736 | 35.955.836.008   |
| <i>Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng</i> | 4.084.623.599  | 1.359.344.000    |
| <i>Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước</i>           | 133.705.000    | 89.161.200       |
| <i>Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu</i>                     | 174.790.000    | 141.196.000      |
| <i>Công ty TNHH Phát triển nguồn Nhân lực Tân Cảng – STC</i>  | 159.082.168    | 78.508.183       |
| <i>Công ty TNHH Kho bãi Tân Cảng Shipping</i>                 | 14.213.637     | 5.185.186        |
| <i>Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực</i>                      | 723.920.200    | 1.144.980.435    |
| <i>Công ty TNHH Tiếp vận Tân Cảng HMM</i>                     | 91.974.407     | 127.371.683      |
| <i>Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng</i>             | 33.154.194.780 | 35.007.717.933   |
| <i>Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng</i>   | 550.851.228    | 307.021.573      |
| <i>Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng</i>                       | 354.614.000    | 254.938.000      |

#### *Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.12, V.14 và V.15.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 3. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ vận tải giao nhận xếp dỡ, thực hiện trên địa bàn khu vực Đồng Nai, trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý địa lý.

#### 4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 23 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Xuân Tân

Phạm Thị Thu Hà

Lê Văn Cường

